

Danh sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Số sổ (Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Hiện trạng nhà ở (đánh số 1 vào cột hiện trạng nhà ở tương ứng)			Nhu cầu hỗ trợ (đánh số 1 vào cột nhu cầu tương ứng)		Thực trạng đất ở (đánh số 1 vào cột thực trạng tương ứng)		
												Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
1	Đặng Danh	1992	Đặng Danh	QN/HH 1104			Kinh	Xóm Khánh Vân, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Khê	4	153,5	13			1	1		1		
2	Nguyễn Thị Hồng Loan	1976	Nguyễn Thị Hồng Loan	QN/HH: 156			Kinh	Tổ 12, phường Nghĩa Lộ	7	50	7,14		1		1		1		
3	Nguyễn Thái Vũ	1974	Nguyễn Thái Vũ	44			Kinh	TDP La Vân, phường Sa Huỳnh	2	96	48			1	1		1		
4	Trần Thị Bé	1940	Trần Thị Bé	343			Kinh	TDP Tân Lộc, phường Sa Huỳnh	2	60	30			1		1	1		
5	Lý Quang Dũng	1979	Lý Quang Dũng	876			Kinh	Thôn Ngọc Tri, xã Bình Chương	4	60	15			1	1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người tương đương đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
6	Đặng Minh Vương	1982	Đặng Minh Vương	330	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Thạch An, xã Bình Chương	5	200	40			1		1	1		
7	Đặng Minh Thanh	1979	Đặng Minh Thanh	330	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Thạch An, xã Bình Chương	5	250	50			1	1		1		
8	Đoàn Nghĩa	1966	Đoàn Nghĩa	85	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn 5, xã Vạn Tường	4	100	25			1		1	1		
9	Võ Thị May	10/02/1969	Võ Thị May	21	Con bị dị dạng dị tật		Kinh	thôn Đồng Nhon Bắc, xã Trường Giang	2	100				1	1		1		
10	Phan Thị Chi	01/01/1968	Phan Thị Chi	26	Con bị dị dạng dị tật		Kinh	thôn Đồng Nhon Bắc, xã Trường Giang	1	100				1	1		1		
11	Đỗ Văn Năm	10/5/1980	Đỗ Văn Năm	377	Con bị dị dạng dị tật		Kinh	thôn Đồng Nhon Bắc, xã Trường Giang	1	100				1	1		1		
12	Phạm Đình Dũng	03/10/1947	Phạm Thị Liên	19	Con bị dị dạng dị tật		Kinh	thôn Tân Phước, xã Trường Giang	4	100		1			1		1		
13	Nguyễn Thị Mai	10/6/1952	Trần Đình Thuận	18	Con bị dị dạng dị tật		Kinh	thôn Tân Phước, xã Trường Giang	3	100				1	1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
14	Huỳnh Tấn Công	1990	Huỳnh Tấn Công	93	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Mỹ Danh, xã Ba Gia	4	60	15			1		1	1		
15	Huỳnh Tấn Thành	1985	Huỳnh Tấn Thành	88	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Mỹ Danh, xã Ba Gia	4	60	15			1		1	1		
16	Phạm Đình Khương	1956	Lâm Thị Tiến	44	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Minh Lộc, xã Ba Gia	6	85	14,5			1		1	1		
17	Phạm Ngọc Ry	1954	Phạm Đình Mót	Phạm Đình Ry (Chất độc hóa học: 756; Thương binh: 112575) Con Phạm Đình Mót (con đẻ CDHH: 130)	Con đẻ chất độc hóa học: 130	1	Kinh	Xóm 2, Thọ Tây, xã Thọ Phong	4	200	12,2		1			1	1		
18	Đỗ Minh Hoàng	1940	Đỗ Thị Hiệp	Đỗ Minh Hoàn (Chất độc hóa học: 569; Thương binh 62259) Con: Đỗ Thị Hiệp (con đẻ chất độc hóa học 126)	Con đẻ chất độc hóa học: 126	1	Kinh	xóm 3, Thọ Tây, xã Thọ Phong	4	100	25	1		1		1	1		
19	Phạm Tri Phương	1972	Phạm Tri Phương	131	Con đẻ chất độc hóa học	1	Kinh	Xóm 7, Thọ Trung, xã Thọ Phong	3	200	36,6			1		1	1		
20	Đình Thị Rõng	1981	Đình Thị Rõng	128	Con đẻ chất độc hóa học	1	Kinh	Xóm 7, Thọ Trung, xã Thọ Phong	4	200	25		1			1			1

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
21	Nguyễn Xuân Nam	1956		Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (788); Thương binh (49174)	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (788); Thương binh (49174)	1	Kinh	Xóm 2, Thọ Nam, xã Thọ Phong	2	150	35		1			1	1		
22	Đào Thị Chinh	1968	Đào Thị Chinh	Con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học (127)	Con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học (127)	1	Kinh	Xóm 01, Thọ Bắc, xã Thọ Phong	3	200	33,3			1		1	1		
23	Nguyễn Thị Bảy	1940	Cao Văn Tường	599	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Kinh	Nam Phước, xã Nghĩa Giang	2	120	60		1			1	1		
24	Huỳnh Thị Mai		Trần Thị Kiều	49QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Trường Lệ, xã Thiện Tín	4	200				1	1				1
25	Nguyễn Thị Kim Chung		Nguyễn Anh Chùng	45QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Kinh	Khánh Giang, xã Thiện Tín	4	156				1	1		1		
26	Nguyễn Văn Trãi		Nguyễn Thị Bê	307QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Khánh Giang, xã Thiện Tín	5	150				1	1		1		
27	Trương Quang Thành		Trương Quang Sinh	489QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Khánh Giang, xã Thiện Tín	4	100				1	1				1
28	Đặng Thị Ba		Trần Thị Ánh Tuyết	46QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Khánh Giang, xã Thiện Tín	4	125				1	1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
29	Bùi Thái Khoa		Bùi Trung Kiên	290QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Phú Khương, xã Thiện Tín	6	100				1	1		1		
30	Phan Thanh Hà		Phan Thanh Hà	141QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Nhon Lộc 1, xã Thiện Tín	4	160				1		1	1		
31	Nguyễn Anh Pháp		Nguyễn Anh Kiệt	53QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Nhon Lộc 1, xã Thiện Tín	5	100				1		1	1		
32	Nguyễn Thị Tròn		Đỗ Thị Thoa	125QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Nhon Lộc 1, xã Thiện Tín	3	100				1		1	1		
33	Huỳnh Tấn Cảnh		Huỳnh Xuân Trí	55QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Nhon Lộc 1, xã Thiện Tín	4	100				1		1	1		
34	Nguyễn Thị Lệ		Nguyễn Thị Lệ Nhớ	48QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Đồng Giữa, xã Thiện Tín	4	100				1		1	1		
35	Đình Thị Hương		Nguyễn Hoàng	35QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Đồng Giữa, xã Thiện Tín	4	100				1		1	1		
36	Đào Thanh Minh		Đào Thanh Thành	34QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Đồng Giữa, xã Thiện Tín	5	100				1		1	1		
37	Nguyễn Văn Hiếu		Nguyễn Văn Hiếu	2604QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Vạn Xuân 1, xã Thiện Tín	5	100				1		1	1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
38	Lê Văn Núc	01/01/1954	Lê Văn Đạo	492	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn Long Bàn Nam, xã Phước Giang	2	500	250	1			1		1		
39	Phạm Thị Thợt	1966	Phạm Thị Thợt	108	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động		Kinh	Thôn Lương Nông Nam, xã Mô Cày	4	50	12,5		1			1	1		
40	Nguyễn Thị Hạt	1965	Nguyễn Thị Hạt	126	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động		Kinh	Thôn Lương Nông Nam, xã Mô Cày	1	70	70		1			1			1
41	Thân Phát		Thân Minh Hải	268	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động		Kinh	Thôn 6, xã Mô Cày	2	60	30		1			1	1		
42	Lê Thám	1953	Lê Ngọc Danh	169	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động		Kinh	Thôn Đạm Thủy Bắc, xã Mô Cày	3	50	16,7		1			1	1		
43	Phạm Thị Tều	1968	Phạm Văn Lương	27	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Hre	Phước Hòa, xã Mộ Đức	6	200	8		1			1	1		
44	Trần Sơn Cao	1937	Trần Thị Hồng Nhung	174	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Xã, xã Mộ Đức	7	100	10		1		1		1		
45	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	1954	Lê Tám	724	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Hòa, xã Mộ Đức	5	200	12		1		1		1		
46	Nguyễn Thị Thanh	1945	Huỳnh Minh Nam	QN/HH -265	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn 4, xã Mộ Đức	4	200	25		1			1	1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
47	Trương Thị Như Hoa	1949	Trần Mỹ Dung	QN/CĐ- 115	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Hòa, xã Mộ Đức	7	150	21		1			1	1		
48	Nguyễn Thanh Công	1974	Nguyễn Văn Thuận	305	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Toàn, xã Mộ Đức	5	100	6		1		1		1		
49	Trần Đức Vinh	1954	Trần Thị Thùy Vi	QN/HH -270	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Hiệp, xã Mộ Đức	5	100	10		1			1	1		
50	Trần Đức Thiện	1953	Trần Đức Cường	268	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Hiệp, xã Mộ Đức	1	100	50					1	1		
51	Trần Đông Quý	1983	Trần Thị Lệ Hằng	332	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Kinh	Phước Hòa, xã Mộ Đức				1	1		1		1		
52	Lê Trung	15/05/1958	Lê Trung	109	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Văn Hà, xã Lân Phong	4	64	16			1		1	1		
53	Nguyễn Hiền	1968	Huỳnh Thị Búp	100	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Thượng, xã Lân Phong	2	85,1	42			1	1		1		
54	Lê Văn Tín	12/09/1978	Lê Văn Tín	69	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Thượng, xã Lân Phong	1	30	30			1		1			1

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Hiện tại đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
55	Lê Thị Lang	12/10/1973	Lê Thị Lang	298	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Thượng, xã Lâm Phong	4	29	7,25			1		1			
56	Trần Thị Nga	01/01/1969	Trần Thị Nga	101	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Thượng, xã Lâm Phong	6	66	11			1		1			1
57	Phạm Văn Viên	20/10/1978	Phạm Văn Viên	772	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Hạ, xã Lâm Phong	4	46,5	11,6			1	1				1
58	Trịnh Cư Anh	05/06/1968	Trịnh Cư Anh	4009	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Hạ, xã Lâm Phong	3	45	15			1		1			
59	Phạm Văn Lạc	10/04/1971	Phạm Văn Lạc	5179	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Hạ, xã Lâm Phong	4	80	20			1		1			
60	Vũ Đức Khải	24/12/1982	Vũ Đức Khải	146	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Hạ, xã Lâm Phong	3	36,7	12			1	1		1		
61	Cao Tiến	1955	Cao Minh Duy	238	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ 61% đến 80%		Kinh	Thôn Lâm Hạ, xã Lâm Phong	5	66,6	13,3			1		1			

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
62	Hồ Thị Hoàng	1971	Phạm Thị Lý	253	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hrê	thôn 1, xã Đông Trà Bồng	7	400	6,42			1		1	1		
63	Hồ Văn Ngoạc	06/06/1966	Hồ Văn Ngoạc	823	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Co	Thôn Cua, xã Thanh Bồng	6	100	36			1	1		1		
64	Hồ Văn Bách	02-10-1958	Hồ Văn Mẫn	815	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		Co	Thôn Môn, xã Thanh Bồng	7	100	40			1	1		1		
65	Hồ Văn Xuân	18/06/1952	Hồ Văn Ôn (Huy)	812	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		Co	Thôn Vuông, xã Thanh Bồng	6	100	30			1	1		1		
66	Hồ Thị Non	05/07/1974	Hồ Thị Non	817	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		Co	Thôn Gõ, xã Thanh Bồng	3	100	24			1	1		1		
67	Hồ Việt Trung	06-06-1956	Hồ Thị Bé Tám	427	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Co	Thôn Trường Giang, xã Cà Đam	3	62	8			1		1	1		
68	Đình Thị Trói	13/7/1945	Đình Văn Tài	25	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Thôn Trường Giang, xã Cà Đam	2	36	8			1		1	1		
69	Hồ Thị Nga	01-01-1976	Hồ Thị Nga	428	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Co	Thôn Trà Ngon, xã Cà Đam	2	24	8			1		1	1		
70	Đình Thị Líp(Hen)	1982	Đình Thị Líp(Hen)	281QN/HH	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Thôn Làng Dầu, xã Sơn Hà	2	24			1			1	1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HKKC bị nhiễm CDHH)	(Người HKKC và con đẻ của Người HKKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
71	Hồ Văn Đé	01/01/1989	Hồ Văn Đé	835	Con bị DDDT, SGK NLĐ từ 61% đến 80%		Xơ đăng	Đội 7, thôn Trà Kem, xã Tây Trà	5	63	12,6			1	1		1		
72	Đình Văn Đôi	1979	Đình Văn Đôi	22	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Thôn Làng Rào, xã Sơn Thủy	2	120	16			1		1	1		
73	Đình Thị Bình	1973	Đình Thị Bình	39	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Thôn Đồng Vang, xã Minh Long	2		8			1		1	1		
74	Đặng Tiến Dũng	1973	Đặng Thị Lan Phương	84	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Thôn 3, xã Minh Long	2		8			1		1	1		
75	Phạm Thị Pa Rành	1964	Phạm Văn Trực	42	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Hrê	Thôn Krên, xã Ba Vì	4	300	10			1	1		1		
76	Phạm Văn Thừa	1978	Phạm Thị Thâm	201	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Hrê	Thôn Ta Noát, xã Ba Vì	7	400	10,7			1	1		1		
77	Phạm Văn Krát		Phạm Văn Krát	55	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Gò Rét - Ma Nghít, xã Ba Tơ	1	24	24		1		1				1
78	Phạm Văn Siêng		Phạm Văn Siêng	196	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Đồng Dâu - Kon Kua, xã Ba Tơ	4	42	8			1		1	1		
79	Phạm Văn Tang		Phạm Thị Lâu	53	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Hre	Kon Dung, xã Ba Tơ	3	32	9			1		1	1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
80	Đình Văn Hôn	01/01/1986	Đình Văn Hôn	799	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Ca dong	Thôn Ra Nhua - Sơn Tây	2	32	16			1	1		1		
81	Đình Văn Dũng	10/7/1987	Đình Văn Dũng	789	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Ca dong	Thôn Đăk Trên - Sơn Tây	4	42	10,5			1	1		1		
82	Đình Văn Gấp	01-01-1982	Cha: Đình Văn Lãm (NCC đã chết) Mẹ: Đình Thị Xoa	18	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Ca-dong	Ra Tân, xã Sơn Tây Hạ	2	45				1		1	1		
83	Đình Thị Thôn (Thôm)	01-01-1984	Đình Văn Cơ (Cờ)	15	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Ca-dong	Hà Lén, xã Sơn Tây Hạ	6	50				1	1		1		
84	Y Thèo	03-06-1952	Y Đua	0101	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%		Ha Lãng	thôn Rờ Koi, xã Rờ Koi	5	50	10	1			1		1		
85	Đình Văn Quê (A Que)	01-01-1969	Đình Văn Quê (A Que)	0161	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%		Hrê	Thôn Vi Ô Lăk, xã Kon Plông	03	60	20			1	1		1		
86	Y Phan	16-11-1991	Y Phan	146	Con đẻ CDHH có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%		Xê đăng	Thôn Đăk Xây, xã Đăk Long	4	60	15			1		1			1
87	Y Lê	01-01-1955	Nga Viết Thu	0123	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Ca dong	Thôn 9, xã Đăk Rve	3	24				1	1		1		
88	Nga Thị Thúy	27-07-1985	Nga Thị Thúy	0122	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Ca dong	Thôn 9, xã Đăk Rve	3					1	1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
89	A Mét	1954	A Nek	227	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Xơ đăng	Thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu, xã Đăk Kôi	3	40	13			1	1		1		
90	U Chiên	1972	Y Nổ	208	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Xơ đăng	Thôn Tu Krói, xã Đăk Kôi	3	30	10			1	1		1		
91	Y Trêng	1979	Y Trêng	112	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Xơ đăng	Thôn Tu Krói, xã Đăk Kôi	3	30	10			1	1		1		
92	U Lú	1992	U Lú	107	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Xơ đăng	Thôn Tu Krói, xã Đăk Kôi	3	30	10			1	1		1		
93	Y Tum	1989	Y Tum	209	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Xơ đăng	Thôn Tu Ngó-Kon Bông, xã Đăk Kôi	3	40	13			1	1		1		
94	Nguyễn Minh Nhân	14-07-1983	Nguyễn Minh Nhân	0238	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%	1	Kinh	Thôn Hòa Bình, xã Sa Bình	6	96	16	1			1		1		
95	A Sê	28/12/1995	A Sê	177	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%		Giê Trêng	Thôn Ri Năm, Xã Đăk Môn	6	80	13			1	1		1		
96	A Côi	11/11/1978	A Côi	0226	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Giê trêng	Thôn 14B, xã Đăk Pék	1	100		1			1		1		
97	Y Đức	01-01-1980	Y Đức	0210	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Giê trêng	Thôn Đăk Dung, xã Đăk Pék	2	100		1			1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, đột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
98	Y Lã	05/9/1990	Y Lã	0230	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Giê triêng	Thôn 14A, xã Đăk Pék	4	120				1		1	1		
99	Y Kim Liên	10-11-1972	Y Kim Liên	0228	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Giê triêng	Thôn 14B, xã Đăk Pék	1	70				1		1	1		
100	A Íc	01/01/1958	Y Thương	0182	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Xơ Đãng	Thôn Đăk Bối, xã Ngọc Linh	3	45	10			1	1		1		
101	A Tinh	15-03-1991	Y Hàng	0154	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Xơ đãng	Thôn Long Tro, xã Măng Ri	3	70	8			1	1		1		
102	Dương Thị Huệ (SDT liên hệ 0986931452)	1941	Phan Thị Thanh Hòa	0020	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;		Kinh	TDP Lê Lợi 2, phường Đăk Bla	2	107	10			1		1	1		
103	Đình Thị Cho	01-01-1983	Cha: Đình Văn Nga (NCC đã chết) Mẹ: Đình Thị Nay	6	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Hre	Thôn Canh Mo, xã Sơn Hạ	1	50			1		1		1		
104	Đình Thị Tăm	01/8/1986	Đình Thị Tăm	69	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Ca dong	Thôn Huy Em, xã Sơn Tây Thượng	2	45				1	1		1		
105	Đình Thị Ngà	08-09-1941	Đình Thị Rem	66	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Cadong	Thôn Nước Vương, xã Sơn Tây Thượng	5	65				1	1		1		
106	Phạm Văn Ma		Phạm Văn Ma	255	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 80% trở lên		Hre	Thôn Làng Teng, xã Ba Động	3	32	10,6			1	1		1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người tương đương đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
107	A Sung		A Sung	206	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Giê Triêng	Thôn Ia Lua, xã Xốp	5	60	12			1		1	1		
108	Y Trếp		Y Tra	233	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%		Giê Triêng	Thôn Đăk Bla, xã Xốp	2	100	50			1		1	1		
109	A Nhất		Y Dung	205	Con bị dị dạng dị tật, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		Giê Triêng	Thôn Đăk Mí, xã Xốp	4	100	25			1		1	1		
110	Nguyễn Thị Tiến	1957	Huỳnh Quang Vinh	251	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Kinh	Chú tượng, xã Long Phụng	2	100	50		1			1	1		
111	Nguyễn Thị Thuận	1968	Phạm Thị Thuận	284	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Kinh	Thôn 8, xã Long Phụng	4	100			1			1	1		
112	Đặng Thị Tâm	1979	Lê Thị Thanh Thúy (Lê Thị Thúy)	199	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1	Kinh	Phước Sơn, xã Long Phụng	5	80	80	1		1		1	1		
113	A Thuần	1999	A Thuần	0133	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Không	Xơ đăng	Krong Đuân, Đăk Pxi	1	0	60		1		1				
114	Y Der	1989	Y Der	0145	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Không	Xơ đăng	Krong Đuân, Đăk Pxi	5	0	10		1		1				
115	Y Đinh	1989	Y Đinh	0144	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Không	Xơ đăng	Krong Đuân, Đăk Pxi	6	0	10		1		1				
116	A Bê	1981	Cha: A Bít (năm sinh: 1947) Mẹ: Y Thanh (sinh năm: 1957)	30	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	1	Mơ nâm	Thôn Kon Xùh, xã Măng Đen	1	200	25			1		1	1		

TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Họ và tên (con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	(Người HDKC và con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Người trợ cấp đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội (có đánh số 1)	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Số khẩu	Tổng diện tích đất ở (m ²)	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ²)	Không có nhà ở	Nhà tạm, dột nát	Nhà hư hỏng nặng	Xây mới	Sửa chữa	Đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Chưa có đất ở hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp
117	Đình Văn Đốt	1976	Đình Văn Đản	261	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	Không	Hre	Thôn Bò Nung, xã Sơn Kỳ	4	36	8			1		1	1		
118	Đình Thị Sách	1969	Đình Văn Lũ	44	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	Không	Hre	Thôn Làng Rút, xã Sơn Kỳ	4	65	10			1		1	1		
119	Đình Thị Ôi	1975	Đình Văn Long	242	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	Không	Hre	Thôn Mò O, xã Sơn Kỳ	2	60	10			1		1	1		
120	Đình Thị Kê	1978	Đình Văn Rách	137	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	Không	Hre	Thôn Mò O, xã Sơn Kỳ	4	55	8			1		1	1		
121	Đình Văn Lai	1970	Đình Xuân Tạch	254	Con đẻ của Người HDKC bị nhiễm CDHH	Không	Hre	Thôn Làng Riêng, xã Sơn Kỳ	2	45	8			1		1	1		
121	Tổng cộng					16	0	0	426			9	25	82	59	62	109	0	9

Tổng hợp thực trạng và nhu cầu nhà ở hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Xã, phường, đặc khu	Thực trạng nhà ở			Thực trạng đất ở			Nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở			Tổng số hộ có đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng
		Số hộ không có nhà ở	Số hộ đang ở nhà tạm, dột nát	Số hộ đang ở nhà hư hỏng nặng	Số hộ đã có đất ở hợp pháp (đã xây dựng và chưa xây dựng nhà ở)	Số hộ chưa có đất ở hợp pháp và chưa xây dựng nhà ở	Số hộ chưa có đất chưa hợp pháp nhưng đã xây dựng nhà ở trên đất chưa hợp pháp	Tổng số hộ	Trong đó		
									Số hộ xây mới nhà ở	Số hộ sửa chữa nhà ở	
1	Xã Tịnh Khê	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
2	Phường Nghĩa Lộ	-	1	-	1	-	-	1	1	-	-
3	Phường Sa Huỳnh	-	-	2	2	-	-	2	1	1	-
4	Xã Bình Chương	-	-	3	3	-	-	3	2	1	-
5	Xã Vạn Tường	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-
6	Xã Trường Giang	1	-	4	5	-	-	5	5	-	-
7	Xã Ba Gia	-	-	3	3	-	-	3	-	3	-
8	Xã Thọ Phong	1	3	2	5	-	1	6	1	5	6
9	Xã Nghĩa Giang	-	1	-	1	-	-	1	-	1	1
10	Xã Thiện Tín	-	-	14	12	-	2	14	6	8	1
11	Xã Phước Giang	1	-	-	1	-	-	1	1	-	-
12	Xã Long Phụng	1	2	-	3	-	-	3	1	2	2
13	Xã Mộ Cày	-	4	-	3	-	1	4	-	4	-
14	Xã Mộ Đức	1	8	-	9	-	-	9	4	5	-
15	Xã Lân Phong	-	-	10	7	-	3	10	3	7	-
16	Xã Đông Trà Bồng	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-
17	Xã Thanh Bồng	-	-	4	4	-	-	4	4	-	-
18	Xã Cà Đam	-	-	3	3	-	-	3	-	3	-
19	Xã Sơn Hà	-	1	-	1	-	-	1	-	1	-
20	Xã Tây Trà	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
21	Xã Sơn Thủy	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-
22	Xã Minh Long	-	-	2	2	-	-	2	-	2	-
23	Xã Ba Vì	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-

24	Xã Ba Tơ	-	1	2	2	-	1	3	1	2	-
25	Xã Sơn Tây	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-
26	Xã Sơn Tây Hạ	-	-	2	2	-	-	2	1	1	2
27	Xã Rờ Koi	1	-	-	1	-	-	1	1	-	-
28	Xã Kon Plông	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
29	Xã Đăk Long	-	-	1	-	-	1	1	-	1	-
30	Xã Đăk Rve	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-
31	Xã Đăk Kôi	-	-	5	5	-	-	5	5	-	1
32	Xã Sa Bình	1	-	-	1	-	-	1	1	-	1
33	Xã Đăk Môn	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
34	Xã Đăk Pék	2	-	2	4	-	-	4	2	2	-
35	Xã Ngọc Linh	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
36	Xã Măng Ri	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
37	Phường Đăk Bla	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-
38	Xã Sơn Hạ	-	1	-	1	-	-	1	1	-	1
39	Xã Sơn Tây Thượng	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-
40	Xã Ba Động	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-
41	Xã Xốp	-	-	3	3	-	-	3	-	3	-
42	Xã Đăk Pxi	-	3	-	3	-	-	3	3	-	-
43	Xã Măng Đen	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-
44	Xã Sơn Kỳ	-	-	5	5	-	-	5	-	5	-
44	Tổng cộng	9	25	87	112	-	9	121	59	62	15